

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày : 07/01/2021

V/v *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Chiến

2. Bà Nguyễn Thị Bích.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 07/01/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2020/QĐXX-ST ngày 30/11/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 125/2020/QĐ-ST ngày 21/12/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Hồng Nh, sinh năm: 1990 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Tiên Do, xã Bảo S, huyện Lục N, tỉnh B.

*** Bị đơn:** Anh Vũ Văn Th, sinh năm: 1992 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn Tiên Do, xã Bảo S, huyện Lục N, tỉnh B.

(Hiện đang lao động tại nước ngoài).

Địa chỉ cuối cùng của anh Vũ Văn Th tại Việt Nam là Thôn Tiên Do, xã Bảo S, huyện Lục N, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 19/10/2020, nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng Nhtrình bày:

Chị và anh Vũ Văn Th kết hôn với nhau ngày 20/01/2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Hưng (nay là thị trấn Đ), huyện Lục N, tỉnh B. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn Tiên Do, xã Bảo S, huyện Lục N, tỉnh B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Sau khi kết hôn anh Th sang Đài Loan làm việc còn chị ở nhà sinh con. Đến năm 2017, chị sang đài Loan chung sống và làm việc cùng anh Th, tại đây anh Th tìm cách đánh đập chị nhiều lần đuổi đánh chị ra khỏi nhà vào nửa đêm, đỉnh điểm là anh Th đi xe máy đâm vào chị trên đường chị tan ca về nhà, sau tai nạn chị phát hiện mình có thai nên chị về nước sinh con và không sang Đài Loan lao động nữa. Từ khi chị về nước anh Th chơi bời cờ bạc không quan tâm tới vợ con. Đến năm 2020, vợ chồng chị đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn Th.

Về con chung: Chị và anh Th có 02 con chung là cháu Vũ Thiên K, sinh ngày 02/10/2016 và cháu Vũ Nguyên Kh, sinh ngày 17/11/2019. Ly hôn chị đề nghị giao cháu Vũ Thiên K cho chị nuôi dưỡng và giao cháu Vũ Nguyên Kh cho anh Vũ Văn Th nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, tại bản tự khai đề ngày 16/11/2019 chị Nhtrình bày lại về yêu cầu nuôi con chung. Do hiện nay chị không có công ăn việc làm ổn định, thu thập thấp nên không có điều kiện chăm sóc các con nên chị đồng ý tạm thời giao hai cháu Vũ Thiên K và cháu Vũ Nguyên Kh cho ông bà nội và anh Vũ Văn Th nuôi dưỡng hai cháu.

Về tài sản, công nợ: Không có, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Nhtrình bày: Hiện nay anh Th vẫn ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của anh Th ở nước ngoài chị không cung cấp được cho Tòa án được vì chị không liên lạc được với anh Th, anh Th vẫn liên lạc về gia đình nhưng bố mẹ của anh Th là ông Vũ Văn Thuận và bà Nguyễn Thị Thạch trú tại: Thôn Tiên Do, xã Bảo S, huyện, tỉnh B cũng không cung cấp địa chỉ nên chị không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh Th được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng

mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Vũ Văn Th.

Bị đơn anh Vũ Văn Th không có bản tự khai.

Ngày 03/11/2020 và ngày 13/11/2020 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh Vũ Văn Th là ông Vũ Văn Thuần, sinh năm 1972; trú tại: Thôn Tiên Do, xã Bảo S, huyện Lục N, tỉnh B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông Thuần thông báo cho anh Th biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Phạm Thị Hồng Nh và anh Vũ Văn Th; yêu cầu anh Th viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông Thuần cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Th ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua 2 lần làm việc ông Thuần vẫn giữ nguyên quan điểm là anh Th ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Th ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của anh Th, đồng thời ông cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh Th biết để anh Th gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh Th gửi về.

Ngày 25/11/2020 chị Nhcó bản tự khai bổ sung và trình bày: Hiện nay, giữa anh và anh Th đã tự thỏa thuận được với nhau về vấn đề con chung nên chị rút lại yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết về phần con chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng Nh vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Vũ Văn Th vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nhung; Biên bản làm việc với bố đẻ của anh Th là ông Vũ Văn Thuần và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng Nhcó đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Vũ Văn Th không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh Vũ Văn Th; Căn cứ vào quy định của pháp luật xét xử vắng mặt anh Vũ Văn Th là đúng.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56 và khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hồng Nh. Xử cho chị Phạm Thị Hồng Nh được ly hôn anh Vũ Văn Th.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết về con chung của chị Phạm Thị Hồng Nh.

Chị Phạm Thị Hồng Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Chị Phạm Thị Hồng Nh là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Hồng Nh.

Đối với bị đơn anh Vũ Văn Th vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh Th là ông Vũ Văn Thuận để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông Thuận thông báo cho anh Th biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Phạm Thị Hồng Nh với anh Vũ Văn Th, yêu cầu ông Thuận cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Th ở nước ngoài. Ông Vũ Văn Thuận trình bày: Anh Th vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông Thuận vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh Th cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh Th biết. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Vũ Văn Th theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Phạm Thị Hồng Nh là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Vũ Văn Th, anh Th hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 17094/QLXNC – P5 v/v cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 30/9/2020 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì anh Th xuất nhập cảnh 19 lần, lần xuất cảnh gần là ngày 27/01/2020 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của anh Thở Việt Nam là: Thôn Tiên Do, xã Bảo S, huyện Lục N, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Chị Phạm Thị Hồng Nh và anh Vũ Văn Th kết hôn năm 2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Hưng, huyện Lục N, tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Nhtrình bày: Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Sau khi kết hôn anh Th sang Đài Loan làm việc còn chị ở nhà sinh con. Đến năm 2017 chị sang đài Loan chung sống và làm việc cùng anh Th, tại đây anh Th tìm cách đánh đập chị nhiều lần đuổi đánh chị ra khỏi nhà vào nửa đêm, đỉnh điểm là anh Th đi xe máy đâm vào chị trên đường chị tan ca về nhà, sau tai nạn chị phát hiện mình có thai nên chị về nước sinh con và không sang Đài Loan lao động nữa. Từ khi chị về nước anh Th chơi bời cờ bạc không quan tâm tới vợ con. Đến năm 2020 vợ chồng chị đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn Th.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Hồng Nh. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị Nh và anh Th chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì anh Th sang nước ngoài lao động. Đến năm 2017 chị Nh sang đài Loan chung sống và làm việc cùng anh Th, tại đây vợ chồng thường xảy ra xô sát cãi nhau, sau chị Nh phát hiện mình có thai nên chị về nước sinh con và không sang Đài Loan lao động nữa. Từ khi chị về nước anh Th chơi bời, cờ bạc không quan tâm tới vợ con. Đến năm 2020 vợ chồng chị đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị Nh và anh Th đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hồng Nh. Xử cho chị Phạm Thị Hồng Nh được ly hôn anh Vũ Văn Th.

[4]. Về con chung: Tại đơn khởi kiện chị Nhcó yêu cầu giải quyết về con chung, sau đó trong quá trình giải quyết vụ án chị Nhcó vẫn bản đề nghị xin rút yêu cầu giải quyết về con chung. Việc xin rút yêu cầu của chị Nh là hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử yêu cầu giải quyết về con chung của chị Phạm Thị Hồng Nh.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị Nhyêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng Nh phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Hồng Nh được ly hôn với anh Vũ Văn Th.

2. Về con chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu giải quyết về con chung của chị Phạm Thị Hồng Nh.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng Nh phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000716 ngày 19/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị Phạm Thị Hồng Nh đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Phạm Thị Hồng Nh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Vũ Văn Th hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chiến Nguyễn Thị Bích

Trần Thị Hà

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND thị trấn Đ, Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

